



Số: 167/HEID-CV
V/v: Công bố BCTC riêng giữa niên độ năm 2020

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2020

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính riêng giữa niên độ năm 2020 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (được lập ngày 18/08/2020).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố. *f*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC

W NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT *W*

VŨ BÁ KHÁNH



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 168.../HEID-CV

V/v: Giải trình chênh lệch giảm LNST trong BCTC riêng
6T đầu năm 2020 so với 6T đầu năm 2019

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2020

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) đã có Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2020 gửi lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Tuy nhiên một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của 6T đầu năm 2020 có giảm hơn so với 6T đầu năm 2019 (chênh lệch trên 10%). Vì vậy, Công ty chúng tôi làm công văn này xin giải trình đến Quý Sở cụ thể như sau:

Từ đầu năm 2020, dưới tác động của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid 19, để đảm bảo an toàn, học sinh cả nước phải nghỉ hầu hết học kì II năm học 2019-2020. Công ty là đơn vị kinh doanh sách giáo khoa, sách bổ trợ, sách tham khảo... nên là ngành nghề bị ảnh hưởng trực tiếp bởi đại dịch nói chung và của việc học sinh nghỉ học nói riêng. Chính vì vậy dẫn đến việc giảm sản lượng phát hành và lợi nhuận so với cùng kỳ năm 2019 (chênh lệch trên 10%).

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BTGD, KTT, BKS Công ty
- Lưu HC;

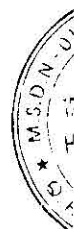
KT. CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT, TỔNG GIÁO DỤC CÔNG TY



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
(đã được soát xét)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05 - 39
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 39

0111
CÓN
CHNH
INGK
A
SÁNH

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Thắng	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hà	Ủy viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên
Bà Đỗ Thị Phương	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Doãn Thoại	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên
Ông Phan Đức Minh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

0222230
Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC
Hà Nội
Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 18/08/2020, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 30/06/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		467.173.525.018	358.817.272.232
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	14.290.553.165	64.259.705.138
111	1. Tiền		8.290.553.165	9.259.705.138
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.000.000.000	55.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		17.185.700	20.012.959.200
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(101.590.700)	(105.817.200)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12	-	20.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		245.363.644.024	47.747.646.583
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	257.046.721.481	49.552.747.480
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	6.729.363.009	10.993.554.224
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	7.047.391.525	6.418.130.677
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(25.459.831.991)	(19.216.785.798)
140	IV. Hàng tồn kho	8	189.000.927.741	191.727.059.264
141	1. Hàng tồn kho		200.621.410.761	199.967.572.735
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.620.483.020)	(8.240.513.471)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18.501.214.388	35.069.902.047
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	18.257.588.546	34.181.202.062
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		238.782.842	548.913.782
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	4.843.000	339.786.203

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		152.871.094.204	157.196.991.359
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		225.800.000	225.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	225.800.000	225.800.000
220	II. Tài sản cố định		867.475.205	1.515.991.359
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	867.475.205	1.515.991.359
222	- Nguyên giá		12.101.644.134	12.101.644.134
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.234.168.929)	(10.585.652.775)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		300.000.000	300.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	300.000.000	300.000.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	151.477.818.999	155.155.200.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		129.662.000.000	129.662.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		14.056.250.000	14.056.250.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.212.500.000	17.581.750.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.452.931.001)	(8.144.800.000)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		620.044.619.222	516.014.263.591

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020
 (Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		339.761.211.344	241.362.236.463
310	I. Nợ ngắn hạn		339.761.211.344	241.362.236.463
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	112.014.906.749	59.664.990.256
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.752.877.799	359.384.549
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	9.396.545.494	673.136.594
314	4. Phải trả người lao động		14.806.131.199	14.644.775.430
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	80.745.000.425	26.783.495.411
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	517.803.934	426.997.787
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	117.850.279.545	132.357.194.903
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.677.666.199	6.452.261.533
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		280.283.407.878	274.652.027.128
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	280.283.407.878	274.652.027.128
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.945.655.948	1.945.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		80.092.157.843	71.611.182.843
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		19.238.020.574	19.238.020.574
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.007.573.513	31.857.167.763
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.876.192.763	3.876.192.763
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		25.131.380.750	27.980.975.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		620.044.619.222	516.014.263.591



Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	382.088.244.530	450.376.680.134
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	703.156.914	6.543.263.120
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		381.385.087.616	443.833.417.014
11	4. Giá vốn hàng bán	22	266.182.545.798	331.504.173.090
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		115.202.541.818	112.329.243.924
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.474.434.183	644.096.346
22	7. Chi phí tài chính	24	10.482.002.616	9.471.210.857
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		4.453.558.670	4.242.098.664
25	8. Chi phí bán hàng	25	50.472.424.749	38.665.541.693
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.312.826.637	28.851.374.798
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		31.409.721.999	35.985.212.922
31	11. Thu nhập khác		4.631.340	215.846.879
40	12. Lợi nhuận khác		4.631.340	215.846.879
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.414.353.339	36.201.059.801
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	6.282.972.589	7.267.340.138
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		25.131.380.750	28.933.719.663



Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng




 Vũ Bộ Khánh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2020	năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		31.414.353.339	36.201.059.801
	2. Điều chỉnh cho các khoản		13.470.933.482	21.662.435.835
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		648.516.154	1.499.408.437
03	- Các khoản dự phòng		9.803.370.243	16.399.525.028
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.434.511.585)	(478.596.294)
06	- Chi phí lãi vay		4.453.558.670	4.242.098.664
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		44.885.286.821	57.863.495.636
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(203.025.403.746)	(140.771.763.404)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(653.838.026)	21.223.759.447
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		110.835.961.823	75.121.090.839
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		15.923.613.516	4.727.097.468
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.476.698.987)	(4.278.031.209)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(415.308.522)	(1.232.416.923)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		115.000.000	110.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.889.595.334)	(5.020.299.697)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(40.700.982.455)	7.742.932.157
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		-	(77.330.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		20.000.000.000	-
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.356.200.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.382.545.840	478.596.294
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		24.738.745.840	401.266.294
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		161.277.933.213	153.271.001.462
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(175.784.848.571)	(178.315.827.607)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.500.000.000)	(19.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(34.006.915.358)	(44.544.826.145)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(49.969.151.973)	(36.400.627.694)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		<u>64.259.705.138</u>	<u>50.906.178.895</u>
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>14.290.553.165</u>	<u>14.505.551.201</u>

Lương Ngọc Bích
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách hỗ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn Quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới). Đặc điểm này dẫn đến số dư một số khoản mục như Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Phải trả người bán ngắn hạn, Chi phí phải trả ngắn hạn, Hàng tồn kho (Thành phẩm) tại thời điểm 30/06 hàng năm sẽ tăng mạnh so với thời điểm đầu năm.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; Nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 03 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất và cho thuê được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, BCC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BCC.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải

kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, ...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN kỳ hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, sách giáo dục và sách khác, và toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	638.561.151	398.864.453
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.651.992.014	8.860.840.685
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	6.000.000.000	55.000.000.000
	14.290.553.165	64.259.705.138

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 30/06/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 6.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với lãi suất 4,0%/năm.

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	20.386.414.573	(16.101.637.353)	16.902.821.809	(10.117.117.367)
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Nội	33.747.420.617	-	-	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên	20.391.146.743	-	3.958.138.703	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	16.708.253.524	-	-	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thái Nguyên	11.105.984.633	-	513.601.383	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Ninh	14.401.204.931	-	-	-
- Công ty CP sách và Thiết bị giáo dục Hải Dương	15.574.791.451	-	2.716.780.280	-
- Công ty CP sách và Thiết bị giáo dục Phú Thọ	11.627.964.671	-	75.879.032	-
- Các khách hàng khác	113.103.540.338	(3.017.565.541)	25.385.526.273	(3.102.138.676)
	257.046.721.481	(19.119.202.894)	49.552.747.480	(13.219.256.043)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	63.369.874.840	(16.101.637.353)	24.076.322.516	(10.117.117.367)

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Nhà Máy in Bộ quốc phòng	-	-	9.154.989.313	-
- Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	4.170.542.680	-	-	-
- Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	1.010.200.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	1.548.620.329	-	1.838.564.911	-
	6.729.363.009	-	10.993.554.224	-
b) Trả trước người bán là bên liên quan	1.010.200.000	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

6. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu lãi tiền gửi	84.466.667	-	32.500.922	-
Tạm ứng	338.989.200	-	151.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	70.000.000	-	70.000.000	-
Phải thu khác	6.553.935.658	(6.340.629.097)	6.164.629.755	(5.997.529.755)
- Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ⁽¹⁾	6.340.629.097	(6.340.629.097)	6.044.629.755	(5.997.529.755)
- Các khoản phải thu khác	213.306.561	-	120.000.000	-
	7.047.391.525	(6.340.629.097)	6.418.130.677	(5.997.529.755)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	225.800.000	-	225.800.000	-
	225.800.000	-	225.800.000	-

⁽¹⁾ Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty và các bên gồm: Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội; Công ty CP Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất) theo hình thức tài sản đồng kiểm soát.

Trong năm 2018, đại diện các bên góp vốn và chủ đầu tư (Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội) đã hợp và thống nhất chủ trương chuyển nhượng dự án, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn vốn. Tuy nhiên đến nay, chủ đầu tư vẫn chưa thực hiện được chủ trương này. Công ty đánh giá công tác chuyển nhượng lại dự án để thu hồi vốn là rất khó khăn và đã thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này.

7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam ⁽¹⁾	16.101.637.353	-	16.902.821.809	6.785.704.442
Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	6.340.629.097	-	5.997.529.755	-
Các đối tượng khác	4.940.366.127	1.922.800.586	4.941.467.869	1.839.329.193
	27.382.632.577	1.922.800.586	27.841.819.433	8.625.033.635

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc Công ty đang thực hiện mọi biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

⁽¹⁾ Do tình hình tiêu thụ bộ sách Tiếng anh Express gặp nhiều khó khăn nên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam chưa thể thanh toán khoản công nợ mua sách phát sinh từ năm 2017 theo đúng thời hạn thanh toán được quy định trong các hợp đồng mua bán. Căn cứ vào số nợ quá hạn và thời gian quá hạn thanh toán với công ty này, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	55.521.873.260	-	78.446.366.273	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	19.099.092	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.797.628.070	-	43.522.582.683	-
Thành phẩm	98.453.767.141	(11.620.483.020)	30.711.954.942	(8.240.513.471)
Hàng hoá	31.913.443.225	-	45.221.925.513	-
Hàng gửi đi bán	1.934.699.065	-	2.045.644.232	-
	200.621.410.761	(11.620.483.020)	199.967.572.735	(8.240.513.471)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm được trích lập do giá trị các loại sách chậm luân chuyển, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ⁽ⁱ⁾	11.722.801.952	13.207.875.127
- Chi phí thuê cửa hàng chờ phân bổ	2.109.381.204	3.229.867.987
- Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ ⁽ⁱⁱ⁾	4.425.405.390	17.743.458.948
	18.257.588.546	34.181.202.062

⁽ⁱ⁾ Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

⁽ⁱⁱ⁾ Phí bán thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	11.011.260.988	1.090.383.146	12.101.644.134
Số dư cuối kỳ	11.011.260.988	1.090.383.146	12.101.644.134
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	9.740.767.951	844.884.824	10.585.652.775
- Khấu hao trong kỳ	537.182.832	111.333.322	648.516.154
Số dư cuối kỳ	10.277.950.783	956.218.146	11.234.168.929
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.270.493.037	245.498.322	1.515.991.359
Tại ngày cuối kỳ	733.310.205	134.165.000	867.475.205

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.670.418.316 VND.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ⁽ⁱ⁾	300.000.000	300.000.000
	300.000.000	300.000.000

⁽ⁱ⁾ Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa”. Hiện tại dự án này đang tạm dừng đầu tư.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	20.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn				
- Trái phiếu ⁽¹⁾	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
	2.000.000.000	-	22.000.000.000	-

⁽¹⁾ Công ty mua 200 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong năm 2017 (100 trái phiếu) và năm 2019 (100 trái phiếu) với mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm với lãi suất thả nổi.



12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã chứng khoán	30/06/2020		01/01/2020	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con		129.662.000.000	-	129.662.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công ⁽ⁱⁱ⁾		125.000.000.000	-	125.000.000.000	-
- Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục ⁽ⁱⁱ⁾		2.682.000.000	-	2.682.000.000	-
- Công ty CP Sách Thiết bị trường học Lạng Sơn ⁽ⁱⁱ⁾		1.980.000.000	-	1.980.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết		14.056.250.000	-	14.056.250.000	-
- Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây ⁽ⁱⁱ⁾		14.056.250.000	-	14.056.250.000	-
Các khoản đầu tư khác		7.212.500.000	(1.452.931.001)	17.581.750.000	(8.144.800.000)
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	EPH	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - Thiết bị trường học Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾		6.000.000.000	(1.452.931.001)	6.000.000.000	(1.159.200.000)
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục ^(iv)	EFI	-	-	10.369.250.000	(6.985.600.000)
		150.930.750.000	(1.452.931.001)	161.300.000.000	(8.144.800.000)

⁽ⁱⁱ⁾ Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Do khoản đầu tư có ít giao dịch trên thị trường nên Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá giao dịch trên thị trường.

^(iv) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT ngày 11/04/2019 đã thông qua chủ trương bán toàn bộ số cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (mã chứng khoán EFI) với số lượng 1.091.500 cổ phiếu, theo giá bán thỏa thuận và phương thức giao dịch khớp lệnh. Trong kỳ, Công ty đã bán toàn bộ 1.091.500 cổ phiếu nêu trên với giá bán là 3.492.800.000 VND.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,0%	89,0%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Lạng Sơn	Lạng Sơn	66,0%	66,0%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa
Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản - Thiết bị trường học Việt Nam	Hà Nội	5,52%	5,52%	Tổ chức xuất bản sách, thiết bị trường học

105
STY
MPO
EM
AS
EM

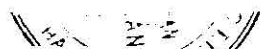
13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	26.494.152.377	26.494.152.377	24.183.517.878	24.183.517.878
- Nhà máy in Bộ quốc phòng	7.164.786.677	7.164.786.677	-	-
- Công ty Cổ phần sách Đại học - Dạy nghề	5.119.147.319	5.119.147.319	-	-
- Công ty TNHH Phần Mềm và Giải Pháp Sao Khuê	-	-	7.076.150.430	7.076.150.430
- Công ty TNHH Dịch Vụ Sách Nam An	-	-	3.092.573.276	3.092.573.276
- Phải trả cho các đối tượng khác	73.236.820.376	73.236.820.376	25.312.748.672	25.312.748.672
	112.014.906.749	112.014.906.749	59.664.990.256	59.664.990.256
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	38.745.453.680	38.745.453.680	25.176.725.673	25.176.725.673

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	252.754.918	6.282.972.589	415.308.522	-	6.120.418.985
Thuế thu nhập cá nhân	334.943.203	420.381.676	6.233.156.771	3.042.468.735	-	3.276.126.509
Các loại thuế khác	4.843.000	-	3.000.000	3.000.000	4.843.000	-
	339.786.203	673.136.594	12.519.129.360	3.460.777.257	4.843.000	9.396.545.494

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	40.646.857	63.787.174
Trích trước chi phí tổ chức bàn thảo, công in, tổ chức và quản lý xuất bản	50.132.492.577	24.327.699.444
Trích trước chi phí vận chuyển sách tới các địa phương	6.955.439.953	-
Chi phí môi giới, chi phí hỗ trợ phát hành sách	15.745.606.745	-
Trích trước chi phí xây dựng, duy trì, vận hành, phát triển và khai thác sách mềm	7.482.008.293	-
Chi phí phải trả khác	388.806.000	2.392.008.793
	80.745.000.425	26.783.495.411

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	391.784.362	311.552.842
Các khoản phải trả, phải nộp khác	126.019.572	115.444.945
	517.803.934	426.997.787

NHÀ XUẤT BÁN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

17. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	32.683.482.231	32.683.482.231	119.919.863.805	123.632.342.519	28.971.003.517	28.971.003.517
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	63.133.450.891	63.133.450.891	5.690.573.928	-	68.824.024.819	68.824.024.819
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	-	-	4.077.994.801	-	4.077.994.801	4.077.994.801
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	36.540.261.781	36.540.261.781	31.589.500.679	52.152.506.052	15.977.256.408	15.977.256.408
	132.357.194.903	132.357.194.903	161.277.933.213	175.784.848.571	117.850.279.545	117.850.279.545

a) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và tổ chức khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	30/06/2020	01/01/2020
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Theo từng khế ước	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	28.971.003.517	32.683.482.231
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	VND	5,50%	Tín chấp	68.824.024.819	63.133.450.891
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	VND	Theo từng khế ước	Quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu	4.077.994.801	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	VND	Theo từng khế ước	Quyền sở hữu và lợi ích (trừ lãi bằng tiền mặt) của trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	15.977.256.408	36.540.261.781
				117.850.279.545	132.357.194.903

Mục đích vay ngắn hạn từ ngân hàng và tổ chức khác của Công ty là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay đối với các bên liên quan

Khoản vay đối với các bên liên quan của Công ty trong kỳ là khoản vay ngắn hạn đối với Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (Công ty con), trong đó: Gốc vay tại thời điểm 01/01/2020 và 30/06/2020 lần lượt là 63.133.450.891 VND và 68.824.024.819 VND; Chi phí lãi vay phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2019 lần lượt là 1.731.413.270 VND và 1.445.416.578 VND.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	1.945.655.948	60.935.861.273	17.239.379.502	30.054.232.190	260.175.128.913
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	28.933.719.663	28.933.719.663
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.500.000.000)	(19.500.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.678.039.427	-	(6.678.039.427)	-
Số dư cuối kỳ trước	150.000.000.000	1.945.655.948	67.613.900.700	17.239.379.502	32.809.912.426	269.608.848.576
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	1.945.655.948	71.611.182.843	19.238.020.574	31.857.167.763	274.652.027.128
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	25.131.380.750	25.131.380.750
Chia cổ tức ⁽¹⁾	-	-	-	-	(19.500.000.000)	(19.500.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	8.480.975.000	-	(8.480.975.000)	-
Số dư cuối kỳ này	150.000.000.000	1.945.655.948	80.092.157.843	19.238.020.574	29.007.573.513	280.283.407.878

⁽¹⁾ Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2019 bằng tiền với tỷ lệ 13%/cổ phiếu (1 cổ phiếu nhận được 1.300 VND) theo Thông báo số 03/TB-HEID ngày 07/02/2020.

NHÀ XUẤT BÁN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2020, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2019 trên Báo cáo tài chính riêng		39.972.821.431
Đã tạm phân phối trong năm 2019 như sau		11.991.846.431
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	3.997.282.143
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.997.282.144
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.998.641.072
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.998.641.072
Phân phối phần lợi nhuận năm 2019 còn lại trong năm nay		27.980.975.000
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	21%	8.480.975.000
- Chi trả cổ tức	13%/cổ phần	19.500.000.000
<i>(Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.300 VND)</i>		
Lợi nhuận năm 2019 còn lại chưa phân phối		-

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2020 VND	Tỷ lệ %	01/01/2020 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	7.581.890.000	5,05%	7.581.890.000	5,06%
AFC VF Limited	8.887.000.000	5,92%	8.969.000.000	5,98%
Peter Eric Dennis	7.816.000.000	5,21%	7.816.000.000	5,21%
Các cổ đông khác	65.469.110.000	43,66%	65.387.110.000	43,60%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	19.500.000.000	19.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	19.500.000.000	19.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	19.500.000.000	19.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	19.500.000.000	19.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối kỳ	-	-

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

d) Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ của Công ty

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	80.092.157.843	71.611.182.843
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19.238.020.574	19.238.020.574
	99.330.178.417	90.849.203.417

19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm 30/06/2020, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	8.256.422.303	10.067.983.144
- Từ 1 năm đến 5 năm	9.944.443.984	12.033.636.378
- Trên 5 năm	818.181.826	1.041.322.324

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	287.142.166.907	291.060.853.695
Doanh thu bán sách tham khảo	43.102.053.423	55.395.134.076
Doanh thu bán vật tư	1.557.092.571	52.185.037.163
Doanh thu bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	50.286.931.629	51.735.655.200

Doanh thu đối với các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

63.883.983.335	59.668.538.958
-----------------------	-----------------------

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	301.817.248	4.389.540.780
Hàng bán bị trả lại	401.339.666	2.153.722.340
	703.156.914	6.543.263.120

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	191.382.092.361	184.453.279.493
Giá vốn bán sách tham khảo	32.289.167.734	45.809.448.381
Giá vốn bán vật tư	1.617.905.462	52.159.812.385
Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	37.513.410.692	42.143.796.736
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.379.969.549	6.937.836.095
	266.182.545.798	331.504.173.090

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.313.261.585	356.908.794
Cổ tức, lợi nhuận được chia	121.250.000	121.687.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	39.922.598	165.500.052
	1.474.434.183	644.096.346

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.453.558.670	4.242.098.664
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	5.842.525.441	3.624.613.723
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	180.354.501	1.602.315.744
Chi phí tài chính khác	5.564.004	2.182.726
	10.482.002.616	9.471.210.857

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.096.902	105.181.379
Chi phí nhân công	14.043.557.986	15.966.336.204
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	60.258.271	198.229.258
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.944.990	186.041.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.370.895.225	10.896.605.784
Chi phí khác bằng tiền	10.882.671.375	11.313.147.548
	50.472.424.749	38.665.541.693

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	300.581.802	1.249.741.746
Chi phí nhân công	9.547.042.741	9.361.135.675
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	171.370.310	259.134.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	645.571.164	1.313.366.917
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	6.243.046.193	7.859.373.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.994.360.990	5.833.625.348
Chi phí khác bằng tiền	3.407.853.437	2.971.996.948
	24.312.826.637	28.851.374.798

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	31.414.353.339	36.201.059.801
Các khoản điều chỉnh tăng	121.759.606	257.328.388
- Chi phí khấu hao ô tô trên 1,6 tỷ VND	41.759.606	177.328.389
- Lương HĐQT không trực tiếp điều hành	80.000.000	79.999.999
Các khoản điều chỉnh giảm	(121.250.000)	(121.687.500)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(121.250.000)	(121.687.500)
Thu nhập chịu thuế TNDN	31.414.862.945	36.336.700.689
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	6.282.972.589	7.267.340.138
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	252.754.918	763.965.785
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(415.308.522)	(1.232.416.923)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	6.120.418.985	6.798.889.000

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	110.783.007.071	148.532.010.126
Chi phí nhân công	23.590.600.727	25.327.471.879
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	231.628.581	457.364.233
Chi phí khấu hao tài sản cố định	648.516.154	1.499.408.437
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	6.243.046.193	7.859.373.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.881.079.979	115.038.084.462
Chi phí khác bằng tiền	14.290.524.812	14.285.144.496
	291.671.403.517	313.001.856.822

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.290.553.165	-	64.259.705.138	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	264.319.913.006	(25.459.831.991)	56.196.678.157	(19.216.785.798)
Các khoản cho vay	-	-	20.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(101.590.700)	118.776.400	(105.817.200)
Đầu tư dài hạn	1.212.500.000	-	11.581.750.000	(6.985.600.000)
	279.941.742.571	(25.561.422.691)	152.156.909.695	(26.308.202.998)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	117.850.279.545	132.357.194.903
Phải trả người bán, phải trả khác	112.532.710.683	60.091.988.043
Chi phí phải trả	80.745.000.425	26.783.495.411
	311.127.990.653	219.232.678.357

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2020				
Đầu tư ngắn hạn	17.185.700	-	-	17.185.700
Đầu tư dài hạn	-	1.212.500.000	-	1.212.500.000
	17.185.700	1.212.500.000	-	1.229.685.700
Tại ngày 01/01/2020				
Đầu tư ngắn hạn	12.959.200	-	-	12.959.200
Đầu tư dài hạn	-	4.596.150.000	-	4.596.150.000
	12.959.200	4.596.150.000	-	4.609.109.200

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Tiền	14.290.553.165	-	-	14.290.553.165
Phải thu khách hàng, phải thu khác	238.634.281.015	225.800.000	-	238.860.081.015
	252.924.834.180	225.800.000	-	253.150.634.180
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.259.705.138	-	-	64.259.705.138
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36.754.092.359	225.800.000	-	36.979.892.359
Các khoản cho vay	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Cộng	121.013.797.497	225.800.000	-	121.239.597.497

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2020				
Vay và nợ	117.850.279.545	-	-	117.850.279.545
Phải trả người bán, phải trả khác	112.532.710.683	-	-	112.532.710.683
Chi phí phải trả	80.745.000.425	-	-	80.745.000.425
	311.127.990.653	-	-	311.127.990.653
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	132.357.194.903	-	-	132.357.194.903
Phải trả người bán, phải trả khác	60.091.988.043	-	-	60.091.988.043
Chi phí phải trả	26.783.495.411	-	-	26.783.495.411
	219.232.678.357	-	-	219.232.678.357

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong kỳ phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau (Riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 17):

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		63.883.983.335	59.668.538.958
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	180.472.218	158.181.818
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	57.640.985	259.222.300
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Lạng Sơn	Công ty con	3.155.526.839	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	32.222.248.902	33.353.703.484
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	27.810.695
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	206.231.650
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	-	7.058.645.045
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	163.258.344
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	511.548.547	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	5.132.601.377	5.622.119.982
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	3.868.635.714	2.455.949.376
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn	917.541.340	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	2.160.961.213	3.330.298.242
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	7.051.899.094	601.346.778
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	1.029.858.840	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.692.602.951	76.275.000
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	15.519.900
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	15.836.600	-

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Giao dịch phát sinh trong kỳ (tiếp theo):

	Mối quan hệ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2020	năm 2019
		VND	VND
Doanh thu bán hàng (tiếp theo)			
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	-	15.816.309
Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.699.100	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn	5.884.909.615	6.324.160.035
Mua vật tư, hàng hóa, Phí tổ chức và quản lý xuất bản		47.510.825.873	60.990.672.758
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	1.771.993.434	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	24.165.242.000	38.468.728.724
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	3.293.675.460	5.480.703.798
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	6.221.348.287	7.768.983.804
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.094.355.239	420.276.322
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	1.922.252.688	250.766.567
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	5.079.084.840	5.529.966.900
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.076.609.482	2.014.175.528
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	18.858.994	59.656.823
Công ty CP Học liệu	Cùng Tập đoàn	575.000.000	450.000.000
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	69.086.910	185.546.295
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	127.547.419	214.504.807
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	45.900.000
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	71.021.120	39.297.190
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	24.750.000	18.150.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	44.016.000
Chi phí dịch vụ thuê kho, thuê văn phòng		3.549.264.508	3.694.153.840
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	2.690.146.052	2.709.000.203
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	597.762.728	818.830.909
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	261.355.728	166.322.728
Cổ tức và lợi nhuận được chia		121.250.000	121.250.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	121.250.000	121.250.000
Lãi vay phải trả		1.731.413.270	1.445.416.578
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	1.731.413.270	1.445.416.578

011
 CÔ
 CH
 NG
 A
 1/1

NHÀ XUẤT BÁN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2020	01/01/2020
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		63.369.874.840	24.076.322.516
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của tập đoàn	-	331.337.464
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	20.386.414.573	16.902.821.809
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	4.059.404.395	3.422.537.990
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Lạng Sơn	Công ty con	3.172.811.128	-
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	16.708.253.524	-
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn	917.541.340	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn	3.651.125.053	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	5.264.957.578	1.500.323.276
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	-	31.454.086
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	1.776.568.802	334.288.059
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	4.008.210.266	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	1.029.858.840	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.954.823.859	1.420.404.999
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	439.905.482	133.154.833
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		84.163.400	100.000.000
Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	84.163.400	100.000.000
Phải trả cho người bán ngắn hạn		38.745.453.680	25.176.725.673
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	40.709.600	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	26.494.152.377	24.183.517.878
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.094.355.239	993.198.795
Công ty CP Sách Đại học và Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	5.119.147.319	-
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	Cùng Tập đoàn	130.003.400	-
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	71.021.120	-
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	4.048.295.940	9.000
Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	747.768.685	-
Trả trước cho người bán		1.010.200.000	-
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	1.010.200.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	651.738.591	644.874.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.808.787.633	1.829.046.622

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.



Lương Ngọc Bích
Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2020

